

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST

Ngày: 04-01-2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1- Ông Lại Hữu Tâm.
- 2- Bà Nguyễn Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLST-KDTM ngày 11 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 534/2022/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 447/2022/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần V.**

Địa chỉ: Phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D.** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Thành T.** Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý (theo Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020).

Ủy quyền lại cho:

1/ Ông **Nguyễn Thành P.** Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ – Có mặt;

2/ Ông **Ngô Hoàng V.** Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ pháp lý doanh nghiệp;

Cùng địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền số 2607/2022/UQ-PGD ngày 24/10/2022).

Bị đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn D**

Trụ sở: Xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Ngọc G**, sinh năm 1989. Chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp mã số 0314536881 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2017) – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Nguyễn Ngọc G**, sinh năm 1989 – Vắng mặt.

2/ Ông **Nguyễn Cẩm T**, sinh năm 1989 – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xã T, huyện C, tỉnh Long An.

3/ Ông **Nguyễn Tấn P**, sinh năm 1983 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 12 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V (V), đại diện theo ủy quyền lại là ông Nguyễn Thành P trình bày như sau:

Ngân hàng thương mại cổ phần V (V) (gọi tắt là Ngân hàng T) và Công ty trách nhiệm hữu hạn D (Gọi tắt là Công ty T) đã ký kết giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ); hạn mức tín dụng Thẻ đề nghị: 300.000.000 đồng; thời hạn hạn mức tín dụng Thẻ đề nghị: 60 tháng; lãi suất trong hạn áp dụng với dư nợ thẻ tín dụng là: 29,5%/năm, kể từ ngày 12/10/2019 lãi suất cho vay được điều chỉnh là 32%/năm; mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động trong lĩnh vực kinh doanh hoạt động viễn thông.

Nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng được bảo đảm bằng các tài sản cá nhân của: Bà Nguyễn Ngọc G theo Hợp đồng bảo lãnh số: 0135-2019/HDBL/VPB-BEN.01 ngày 01/7/2019; ông Nguyễn Cẩm T theo Hợp đồng bảo lãnh số: 0135-2019/HDBL/VPB-BEN.02 ngày 01/7/2019; ông Nguyễn Tấn P theo Hợp đồng bảo lãnh số: 0135-2019/HDBL/VPB-BEN.03 ngày 01/7/2019. Bà G, ông T, ông P đồng ý bảo lãnh toàn bộ, vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trong quá trình sử dụng vốn Công ty T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, nhiều lần Ngân hàng T liên hệ hoàn trả nợ vay nhưng Công ty T cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngay Ngân hàng T yêu cầu Công ty T như sau:

1- Buộc Công ty T trả ngay một lần số tiền nợ còn thiếu tính đến hết ngày 07/12/2022 là: 499.394.221 đồng (trong đó: nợ gốc: 297.725.683 đồng, nợ lãi: 201.668.538 đồng).

2- Công ty T vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo Hợp đồng đã ký cho tới khi thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng T.

3. Trường hợp Công ty T không thanh toán theo yêu cầu nêu trên thì Bà Nguyễn Ngọc G, ông Nguyễn Cẩm T, ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ còn thiếu theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng T có ông Nguyễn Thành P vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên (Số tiền Công ty T phải trả tính đến hết ngày

04/01/2023 là: 508.576.472 đồng (trong đó: nợ gốc: 297.725.683 đồng, nợ lãi: 201.850.789 đồng).

Tại bản tự khai ngày 24/5/2022, đại diện theo pháp luật của bị đơn là Bà Nguyễn Ngọc G trình bày:

Bà G xác nhận có ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm với Ngân hàng T với hạn mức tín dụng Thẻ đề nghị: 300.000.000 đồng; thời hạn hạn mức tín dụng Thẻ đề nghị: 60 tháng; lãi suất trong hạn áp dụng với dư nợ thẻ tín dụng là: 29,5%/năm; mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động trong lĩnh vực kinh doanh hoạt động viễn thông. Số tiền nợ còn thiếu tính đến hết ngày 18/12/2022 là: 393.252.511 đồng (trong đó: nợ gốc thẻ: 297.725.683 đồng, nợ lãi: 95.526.827 đồng). Do Công ty T bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid 19 nên gặp khó khăn, không thanh toán hết một lần số tiền nợ nên bà G yêu cầu thanh toán 50.000.000 đồng mỗi tháng vào ngày 20 dương lịch và đề nghị Ngân hàng giảm miễn phần tiền lãi để tạo điều kiện cho bà trả hết nợ và duy trì hoạt động kinh doanh.

Tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của Công ty T vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 25/8/2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Cẩm T trình bày:

Ông T là chồng Bà Nguyễn Ngọc G và cũng là người bảo lãnh cho hợp đồng tín dụng của Công ty trách nhiệm hữu hạn D đối với Ngân hàng thương mại cổ phần V (V). Do quá trình xảy ra dịch bệnh và tình hình kinh doanh của Công ty T gặp nhiều khó khăn nên ảnh hưởng đến việc thanh toán nợ cho Ngân hàng T. Nay ông T xin được xem xét trả nợ như sau: Miễn hoặc giảm phần lãi; thanh toán 100.000.000 đồng trong tháng 8/2022, tháng 9/2022 thanh toán 100.000.000 đồng, số còn lại trả dần mỗi tháng 50.000.000 đồng cho đến hết nợ.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Cẩm T vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 24/5/2022 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tấn P trình bày:

Ông P là anh ruột của Bà Nguyễn Ngọc G. Vợ chồng Bà Nguyễn Ngọc G và ông Nguyễn Cẩm T có mở Công ty trách nhiệm hữu hạn D, ông P làm thuê cho bà G. Khoảng năm 2019, bà G có đưa cho ông P ký Hợp đồng, ông P đã ký vào Hợp đồng này để bà G mở thẻ tín dụng cho ông P để trả lương nên ông P mới ký vào Hợp đồng. Sau đó bà G có làm thẻ tín dụng cho ông P với hạn mức Thẻ là 50.000.000 đồng nên ông P không biết ông đã ký tên là để bảo lãnh cho Công ty T. Sau khi ký ông P cũng không có đọc lại và ông cũng không giữ bất cứ giấy tờ gì cho đến khi Ngân hàng khởi kiện Công ty T, lúc đó ông P mới biết ông đã ký tên bảo lãnh cho Công ty T vay. Ông P không có nhận bất cứ khoản tiền vay nào, việc vay tiền này hoàn toàn là do bà G và ông T đứng ra vay. Do đó, ông P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông P cho rằng ông không có liên quan gì trong vụ án.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Tấn P vắng mặt và có nộp đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những

người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua tài liệu chứng cứ mà đương sự giao nộp cho Tòa án, thì Công ty trách nhiệm hữu hạn D có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần V hạn mức tín dụng Thẻ đề nghị: 300.000.000 đồng; thời hạn hạn mức tín dụng Thẻ đề nghị: 60 tháng; lãi suất trong hạn áp dụng với dư nợ thẻ tín dụng là: 29,5%/năm, kể từ ngày 12/10/2019 lãi suất cho vay trong hạn được áp dụng là 32%/năm. Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng được bảo đảm bằng tất cả tài sản cá nhân của Bà Nguyễn Ngọc G theo Hợp đồng bảo lãnh số: 0135-2019/HDBL/VPB-BEN.01 ngày 01/7/2019; của ông Nguyễn Cẩm T theo Hợp đồng bảo lãnh số: 0135-2019/HDBL/VPB-BEN.02 ngày 01/7/2019; của ông Nguyễn Tấn P theo Hợp đồng bảo lãnh số: 0135-2019/HDBL/VPB-BEN.03 ngày 01/7/2019 đối với Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng. Trong quá trình vay vốn Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Viễn thông đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Bị đơn Công ty T xác nhận tính đến ngày 18/12/2021 Công ty T còn nợ Ngân hàng T số tiền nợ gốc thẻ là 297.725.683 đồng. Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V. Buộc Công ty TNHH D phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số nợ tính đến hết ngày 04/01/2023 là 508.576.472 đồng, trong đó: nợ gốc: 297.725.683 đồng và nợ lãi: 201.850.789 đồng. Về án phí Công ty TNHH D chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần V nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn D, địa chỉ trụ sở tại: Xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn đều có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nguyên đơn có ký hợp đồng tín dụng với bị đơn, bị đơn vay vốn là để phục vụ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh viễn thông, hai bên đều có mục đích tìm kiếm lợi nhuận. Vì vậy, đây là vụ án kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Ngày 24/5/2022 ông Nguyễn Tấn P nộp đơn yêu cầu vắng mặt. Bà Nguyễn Ngọc G, ông Nguyễn Cẩm T vắng mặt tại phiên tòa xét xử đến lần thứ 2. Căn cứ Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định là phiên tòa dân sự sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử.

[1.4] Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Do hợp đồng tín dụng của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[2]. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu tính đến hết ngày 04/01/2023 là: 508.576.472 đồng (trong đó: nợ gốc: 297.725.683 đồng, nợ lãi: 210.850.789 đồng). Bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo Hợp đồng đã ký cho tới khi thanh toán toàn bộ số nợ cho nguyên đơn. Trường hợp bị đơn không thanh toán số tiền nêu trên thì bà Nguyễn Ngọc G, ông Nguyễn Cẩm T, ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ còn thiếu theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

[2.2] Bị đơn xác nhận có ký hợp đồng tín dụng với nguyên đơn và có nợ số tiền gốc và lãi theo đơn khởi kiện là đúng như thông báo thụ lý vụ án bị đơn đã nhận, số tiền nợ còn thiếu tính đến hết ngày 18/12/2022 là: 393.252.511 đồng (trong đó: nợ gốc: 297.725.683 đồng, nợ lãi: 95.526.827 đồng). Do bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid 19 nên công ty gặp nhiều khó khăn, không thanh toán hết một lần số tiền nợ nên bị đơn yêu cầu thanh toán dần số tiền nợ và đề nghị nguyên đơn giảm miễn phần tiền lãi để tạo điều kiện cho bị đơn trả hết nợ, duy trì hoạt động kinh doanh.

[2.3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc G, ông Nguyễn Cẩm T, ông Nguyễn Tấn P là người ký hợp đồng bảo lãnh cho bị đơn, đồng ý bảo lãnh toàn bộ, vô điều kiện và không hủy ngang trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng đã ký kết với nguyên đơn. Bà Nguyễn Ngọc G, ông Nguyễn Cẩm T đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn nhưng xin được trả dần mỗi tháng 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Riêng ông Nguyễn Tấn P không đồng ý theo hợp đồng bảo lãnh, do ông P chỉ nhận thẻ tín dụng có hạn mức 50.000.000 đồng nên ông P chỉ đồng ý trả 50.000.000 đồng.

[2.4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 10/08/2022 nguyên đơn có nộp đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm chuyển dịch về quyền tài sản đối với quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn P” sau khi nguyên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Tòa án ban hành thông báo không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của nguyên đơn. Vì theo đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2021 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V và Thông báo thụ lý vụ án số 03/TB-TLVA ngày 11/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì Quyền sử dụng đất tại thửa 1751, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An **không phải là tài sản các bên đương sự đang tranh chấp** trong vụ án dân sự thụ lý số 03/2022/TLST-KDTM ngày 11/02/2022. Đến ngày 20/9/2022 nguyên đơn tiếp tục nộp đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với tài sản là quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn P. Căn cứ khoản 4 Điều 133 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại khoản 10 và khoản 11 Điều 114 của Bộ luật này thì chỉ được phong tỏa tài khoản, tài sản có giá trị tương đương với nghĩa vụ tài sản mà người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có nghĩa*

vụ phải thực hiện”. Tại Khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “... 2. **Tòa án chỉ được phong tỏa tài khoản, tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn nghĩa vụ tài sản mà người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có nghĩa vụ phải thực hiện.** Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có nghĩa vụ chứng minh giá trị tài khoản, tài sản bị phong tỏa. Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của tài liệu liên quan đến việc xác định giá trị tài sản và tài khoản cần phong tỏa. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và quy định pháp luật liên quan để xác định giá trị tài sản bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời;...”. Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập tại Văn phòng công chứng L trụ sở: khu dân cư N, ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Long An (số công chứng 8644, quyền số 09/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/7/2022) giữa vợ chồng ông Nguyễn Tấn P với bà Tạ Thị Hồng P (Bút lục 167) với giá chuyển nhượng là 820.000.000 đồng. Do đó, giá trị tài sản yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà nguyên đơn cung cấp là chưa phù hợp, giá trị thực tế của tài sản mà các bên giao dịch trên thị trường cao hơn nghĩa vụ mà ông Nguyễn Tấn P bảo lãnh cho bị đơn. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định những trường hợp **không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời** cụ thể như sau: Việc áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ quy định tại khoản 11 Điều 114 của Bộ luật tố tụng dân sự đối với tài sản là: “*Tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ mà biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba theo quy định tại Điều 297 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 (sau đây gọi tắt là Bộ luật dân sự), trừ trường hợp người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đồng thời là bên nhận bảo đảm*”. Ông Nguyễn Tấn P và vợ của ông P đã thực hiện chuyển nhượng phần đất có diện tích 125m², tại thửa 1751, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An cho bà P. Do đó, phần đất chuyển nhượng nêu trên đã phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba (là bà Tạ Thị Hồng P, bà Nguyễn Thị Yến X). Căn cứ vào Điều 140, khoản 4 Điều 133 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các căn cứ viện dẫn nêu trên, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh ban hành Thông báo không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo đơn yêu cầu của nguyên đơn nộp ngày 20/9/2022. Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã nhận các thông báo nêu trên và không có phản hồi cho đến thời điểm xét xử.

[3.2] Bị đơn có ký Giấy đề nghị kiểm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **không có tài sản bảo đảm** (Bút lục 40) với hạn mức tín dụng Thẻ đề nghị là 300.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn lưu động cho lĩnh vực hoạt động viễn thông, thời hạn hạn mức tín dụng Thẻ đề nghị là 60 tháng, lãi suất trong hạn áp dụng với dư nợ thẻ tín dụng là 29,5%/năm dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (kê từ ngày 12/10/2019 lãi suất cho vay được điều chỉnh là 32%/năm). Ngoài ra, trong hợp đồng còn quy định số dư nợ gốc trong hạn, số dư nợ gốc quá hạn, số dư lãi chậm trả nếu bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tối thiểu ghi nhận trên Sao kê kỳ gần nhất. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết, kéo dài thời gian trả nợ theo thông báo của nguyên đơn. Do đó không chấp nhận yêu cầu của bị đơn xin trả dần số tiền nợ mỗi tháng 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ tính đến hết ngày 04/01/2023 là: 508.576.472 đồng (trong đó: nợ gốc: 297.725.683 đồng, nợ lãi: 210.850.789 đồng) phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết số

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3.3] Trường hợp bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ nêu trên thì bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo Hợp đồng đã ký cho tới khi thanh toán toàn bộ số nợ cho nguyên đơn.

[3.4] Trường hợp bị đơn không thanh toán số tiền nêu trên thì bà Nguyễn Ngọc G, ông Nguyễn Cẩm T, ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ khoản nợ còn thiếu theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

[3.5] Các đương sự có quyền thỏa thuận phương thức giao nhận tiền và nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp không thỏa thuận được thì các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3.6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại là 24.343.059 đồng. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 133, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V (V) đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn D về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V (V) số tiền nợ còn thiếu tính đến hết ngày 04/01/2023 là: 508.576.472 đồng (Năm trăm lẻ tám triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn trăm bảy mươi hai đồng) (trong đó: nợ gốc: 297.725.683 đồng, nợ lãi: 210.850.789 đồng).

Kể từ ngày 05/01/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn D còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Trường hợp trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V (V) theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn D không thanh toán số tiền nêu trên thì

bà Nguyễn Ngọc G, ông Nguyễn Cẩm T, ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ khoản nợ còn thiếu theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Các đương sự có quyền thỏa thuận phương thức giao nhận tiền và nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp không thỏa thuận được thì các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 24.343.059 đồng, nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V (V) số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 9.831.313 đồng mà Ngân hàng thương mại cổ phần V (V) đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án số AA/2021/0040499 ngày 19/01/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sự (10);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ôn Kim Chi